TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2220/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1977
Thường trú: Tổ 1, xã A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
Nơi cư trú hiện nay: 126/627B, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Võ Khắc S, sinh năm 1981
Cư trú tại: 5/24, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
(Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông Võ Khắc S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2005, tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, Su

đó thường xuyên phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều. Bà S nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Khắc S.

Về con chung: Bà S và ông S có 02 con chung là Võ Hoài U, sinh ngày 23/11/2006 và Võ Hoài T, sinh ngày 01/9/2009. Khi ly hôn, bà S xin được nuôi cháu T, tạm thời không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng. Cháu U đã đủ 18 tuổi và trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà S và ông S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà S và ông S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Võ Khắc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Về giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Võ Khắc S.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông S có 02 con chung là Võ Hoài U, sinh ngày 23/11/2006 và Võ Hoài T, sinh ngày 01/9/2009. Khi ly hôn, giao cho bà S được nuôi cháu T, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng do bà S không yêu cầu. Cháu U đã đủ 18 tuổi và trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà S khai, bà và ông S tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông S về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Khắc S; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ

pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà S là nguyên đơn, ông S là bị đơn trong vụ án.

- Theo Biên bản xác minh ngày 22/11/2024 tại Công an phường T thì có căn cứ để xác định: Hiện nay, ông Võ Khắc S đang cư trú tại địa chỉ số 5/24, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 06/01/2025, bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố B cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Võ Khắc S để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông Võ Khắc S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2005, tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 9, 11 và 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Bà S và ông S chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, Su đó thường xuyên phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 25/10/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T thể hiện về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông S thì địa phương không rõ do các đương sự không trình báo. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S để hòa giải đoàn tụ nhưng ông S đều vắng mặt không lý do, không có động thái tích cực để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà S và ông S là có thật, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà S được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông S có 02 con chung là Võ Hoài U, sinh ngày 23/11/2006 và Võ Hoài T, sinh ngày 01/9/2009. Khi ly hôn, bà S xin được nuôi cháu T, tạm thời không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng. Hiện nay, cháu T đang S sống cùng bà S, cháu lại là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông S thể hiện yêu cầu này của bà S nhưng ông S không có ý kiến phản đối. Do đó, để ổn định về việc học tập và S hoạt, cũng như sự phát triển toàn diện về thể

chất và tinh thần cho cháu T, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu T cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà S không yêu cầu. Cháu U đã đủ 18 tuổi và trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông S được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà S khai, bà và ông S tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông S về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 11 và 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Võ Khắc S.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông S có 02 con chung là Võ Hoài U, sinh ngày 23/11/2006 và Võ Hoài T, sinh ngày 01/9/2009. Khi ly hôn, giao cho bà S được nuôi cháu T, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng do bà S không yêu cầu. Cháu U đã đủ 18 tuổi và trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông S được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà S khai, bà và ông S tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông S về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000855 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị S và ông Võ Khắc S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã A,
thị xã A, tỉnh Gia Lai;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương